TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20/6//2019.
"V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Mạnh Dũng.
2. Ông Nguyễn Quang Liêu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Tiên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 141/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019, về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Trịnh Huy Th; Sinh năm 1991 (có mặt).
HKTT: Thôn 2, xã L, huyện Ph, tỉnh Bp.

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Hồng V; Sinh năm 1989 (có mặt).
HKTT: Thôn Đ, xã ĐN, huyện B, tỉnh BP.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/9/2018, nguyên đơn anh Trịnh Huy Th trình bày:

Về tình cảm, anh và chị V tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện BGM, tỉnh BP vào tháng 12/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, hai vợ chồng đã ly thân được một thời gian, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không thể níu kéo, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị V.

Về con chung, anh và chị V có 02 con chung là Trịnh Thị Diệu L, sinh ngày 22/7/2012 và Trịnh Nguyễn Duy Tr, sinh ngày 18/3/2015. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con gái là Trịnh Thị Diệu L, chị V nuôi con trai Trịnh Nguyễn Duy Tr, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung, anh và chị V không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Th trình bày bổ sung, nguyên nhân chính dẫn đến vợ chồng không thể đoàn tụ là do cả anh và chị V đều không hợp với gia đình hai bên do khi anh và chị V yêu nhau và tiến tới hôn nhân không được hai bên gia đình đồng ý; ngoài ra, từ khi ly thân đến nay vợ chồng anh người này nghi ngờ người kia ngoại tình với người khác mặc dù không có chứng cứ cụ thể, chị V còn tụ tập bạn bè ăn chơi. Về con chung, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung để đỡ gánh nặng cho chị V, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng V trình bày:

Chị xác nhận về quan hệ hôn nhân, chị và anh Th tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn; thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân cũng như tình trạng hôn nhân hiện nay giữa chị và anh Th là không thể hàn gắn được như anh Th trình bày cơ bản là đúng, chỉ có nội dung anh Th cho rằng chị ngoại tình, tụ tập bạn bè bỏ bê con cái là không đúng. Chị thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đến nay là không thể hàn gắn được, nên chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Th.

Về con chung, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr còn anh Th nuôi cháu L vì cháu Tr còn nhỏ tuổi cần sự chăm sóc trực tiếp của mẹ, khi cháu lớn hơn nếu anh Th có nguyện vọng nuôi cháu thì chị sẽ giao cho anh Th nuôi còn chị nuôi con gái, không ai phải cấp dưỡng cho ai. Về tài sản, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn xin xác nhận ngày 28/5/2019 của chị V có xác nhận của Ban quản lý thôn ĐL và Uỷ ban nhân dân xã ĐN có nội dung, hiện chị V đang sinh sống với mẹ ruột là bà Nguyễn Thị H và bán đồ ăn sáng tại thôn ĐL là đúng.

Cháu Trịnh Thị Diệu L trình bày: Cháu là con của ba Th mẹ V. Hiện nay cháu đang ở với bà nội, cháu mới học xong lớp 1 Tr Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc; Nếu ba mẹ không sống chung với nhau cháu có nguyện vọng được ở với ba.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trình bày ý kiến, quan điểm về vụ án:

Về tố tụng, việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, mâu thuẫn vợ chồng anh Th chị V đã trầm trọng không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho anh Th chị V được ly hôn; Về con chung cả hai anh chị đều có điều kiện và yêu cầu nuôi con nên đề nghị giao cháu L cho anh Th nuôi dưỡng, giao cháu Tr cho chị V nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Th và chị V tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2011, được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Bù Gia Mập (nay là huyện Phú Riềng), tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 199; quyển số 01/2011, ký ngày 26/12/2011. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Th với chị V là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc khi hai người tiến tới quan hệ hôn nhân không được sự nhất trí của hai bên gia đình; sau khi kết hôn chị V thường xảy ra mâu thuẫn với gia đình nhà chồng, bản thân anh Th cũng không hòa hợp với gia đình bên vợ; hai vợ chồng cũng không tìm được giải pháp nào khắc phục để xây dựng gia đình hạnh phúc; đến đầu năm 2018 chị V đưa con trai là cháu Tr về nhà mẹ ruột tại xã ĐN, huyện B sinh sống, còn cháu L ở lại sống với anh Th và bà nội tại xã L, huyện Ph cho đến nay. Từ khi ly thân mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng do anh Th thường xuyên đi làm ăn xa không có thời gian thăm nom,chăm sóc vợ và con trai; Bản thân chị V sinh sống với mẹ ruột nên cũng không có điều kiện thăm nom, chăm sóc chồng và con gái lớn; Ngoài ra, hai bên còn thường xuyên nghi ngờ lòng chung thủy của nhau, nhưng không tìm hiểu, trao đổi tìm giải pháp giải quyết, hòa giải với nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn. Qúa trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành phân tích hòa giải nhưng anh chị không đoàn tụ gia đình mà cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để giải phóng cho nhau. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Th và chị V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai bên đều yêu cầu được ly hôn, nên cần ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của anh Th và chị V là phù hợp.

[2] Về con chung: Anh Th và chị V có 02 con chung, con gái là Trịnh Thị Diệu L, sinh ngày 22/7/2012, con trai là Trịnh Nguyễn Duy Tr, sinh ngày 18/3/2015.

Tại phiên tòa anh Th cho rằng cả anh và chị V đều đủ điều kiện nuôi con nhưng anh không muốn chị V chịu gánh nặng sau khi ly hôn nên có nguyện vọng được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con; Chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con trai nhỏ, anh Th nuôi con gái lớn, không ai cấp dưỡng cho ai.

Xét điều kiện nuôi con của hai bên nhận thấy, hiện tại anh Th đang trực tiếp nuôi cháu L và sinh sống cùng mẹ ruột của anh Th tại xã L, huyện Ph; Chị V đang trực tiếp nuôi cháu Tr và sinh sống cùng mẹ ruột chị V tại xã ĐN, huyện B. Về thu nhập, cả chị V và anh Th đều xác nhận cả anh Th và chị V có công việc và thu nhập đủ điều kiện để nuôi con; anh Th và chị V chưa vi phạm pháp luật. Như vậy, cả hai bên đều có điều kiện để nuôi con, có yêu cầu được trực tiếp nuôi con nên có quyền được nuôi con. Vì vậy, anh Th yêu cầu được nuôi cả hai con, nhưng chị V không đồng ý nên không có cơ sở để chấp nhận, nên cần giao cháu L cho anh Th tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Tr cho chị V tiếp tục

trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, không ai yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

[3] Về tài sản, nợ chung: Anh Th và chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các điều 35, 147, 171; Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự; chị Nguyễn Thị Hồng V đồng ý thuận tình ly hôn với anh Trịnh Huy Th.

2. Về con chung: Anh Trịnh Huy Th có trách nhiệm trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Trịnh Thị Diệu L, sinh ngày 22/7/2012; Chị Nguyễn Thị Hồng V có trách nhiệm trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Trịnh Nguyễn Duy Tr, sinh ngày 18/3/2015; Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở, đồng thời có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Trịnh Huy Th phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009309 ngày 16/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- UBND xã L;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Văn Huệ